

Số: /BC-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2023 trên địa bàn huyện Tuy Phước

Thực hiện Công văn số 4606/SYT-NVY ngày 29/11/2023 của Sở Y tế tỉnh Bình Định về việc đánh giá, xét công nhận xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế; Ngày 06/12/2023 Hội đồng xét duyệt BTC QG về Y tế xã đã tiến hành họp xét các xã, thị trấn đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế năm 2023 theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 và xét các xã, thị trấn đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm 2023 theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030, UBND huyện báo cáo kết quả như sau:

I. Kết quả duy trì các xã, thị trấn đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế năm 2023 theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020

Căn cứ Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020

Hội đồng huyện tiến hành họp thẩm tra và đánh giá các xã, thị trấn duy trì xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia xã giai đoạn đến năm 2020. Theo kết quả thẩm tra và đánh giá của Hội đồng xét duyệt của huyện trên địa bàn huyện Tuy Phước trong năm 2023 có 13/13 xã, thị trấn duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 (có phụ lục 1 chi tiết kèm theo).

II. Kết quả các xã, thị trấn đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm 2023 theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030

1. Kết quả thực hiện

Căn cứ Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030.

Hội đồng huyện tiến hành đánh giá, bình xét từng tiêu chí cụ thể trong BTC QG về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trong năm 2023. Theo kết quả thẩm tra và đánh giá của Hội đồng xét duyệt của huyện trên địa bàn huyện Tuy Phước trong năm 2023 có 13/13 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 (có phụ lục 2 chi tiết kèm theo).

2. Kiến nghị, đề xuất

Theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030, có một số chỉ tiêu trong quá trình đánh giá nhận thấy còn nhiều khó khăn, bất cập cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu 9 quy định: “*Mỗi tổ, thôn, bản, ấp đều có NVYT, CTV dân số được đào tạo hoạt động; đối với thôn, bản ấp thuộc xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số có cô đỡ thôn bản được đào tạo*”. Tuy nhiên, theo quy định ở các thị trấn thì không bố trí Y tế thôn và ở các xã, thị trấn không bố trí CTV dân số.

- Chỉ tiêu 34 quy định: “*Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng các loại vắc-xin phổ cập theo quy định của Bộ Y tế*”. Hiện nay việc tiêm chủng các loại vắc xin cho trẻ em trên địa bàn huyện không đạt tỷ cao do việc cung cấp vắc xin của ngành Y tế cấp trên không bảo đảm số lượng theo yêu cầu để tiêm chủng trẻ em.

- Chỉ tiêu 47 quy định: “*Mức độ ứng dụng các phần mềm hiện có phục vụ công tác KCB, quản lý số liệu và trích xuất thông tin, báo cáo*”. Hiện nay trên địa bàn huyện đã triển khai tương đối đầy đủ các ứng dụng phần mềm. Tuy nhiên, ứng dụng phần mềm tư vấn khám chữa bệnh từ xa chưa được triển khai do chưa có máy móc và phần mềm.

Để việc triển khai thực hiện có hiệu quả Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trong thời gian đến, UBND huyện Tuy Phước có một số kiến nghị như sau:

a. Đối với UBND tỉnh Bình Định

- UBND tỉnh cần ban hành các chính sách phù hợp để thu hút nhân lực y tế, đồng thời hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho các Trạm Y tế.

b. Đối với Sở Y tế tỉnh Bình Định

- Sớm mở các lớp đào tạo cho nhân viên y tế thôn.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị y tế, máy móc và phê duyệt danh mục kỹ thuật khám, chữa bệnh phù hợp cho Trạm Y tế.

- Cần bổ sung đầy đủ các loại vắc xin phổ cập theo quy định của chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia.

Trên đây là kết quả thực hiện Tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2023 trên địa bàn huyện Tuy Phước. UBND huyện Tuy Phước, kính gửi Sở Y tế xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện (đ/c Tân);
- Phòng Y tế huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT, K2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Tân

Phụ lục 1: DANH SÁCH CÁC XÃ, THỊ TRẤN DUY TRÌ ĐẠT
BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ XÃ GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020 TRONG NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2023 của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Xã, thị trấn	Năm đạt	Điểm thẩm định	Điểm từng tiêu chí										Số phiếu đánh giá đạt của Hội đồng	Kết quả đánh giá của Hội đồng	Nội dung chưa đạt (Ghi tóm tắt những chỉ tiêu, nội dung chưa đạt theo từng tiêu chí)
				TC 1 3đ	TC 2 10đ	TC 3 11đ	TC 4 9đ	TC 5 10đ	TC 6 17đ	TC 7 14đ	TC 8 13đ	TC 9 9đ	TC 10 4đ			
1	Tuy Phước	2012	96,0	3	10	11	9	10	16	14	13	6	4	13/13	Đạt	TC6:Đề xây ra dịch SXH trên địa bàn TC9: Tỷ lệ sinh con 3+cao
2	Diêu Trì	2012	96,5	3	10	11	8	10	15,5	14	13	8	4	13/13	Đạt	TC4:Có < 70% thuốc trong danh mục TC6:Đề xây ra dịch SXH trên địa bàn TC9: Tỷ lệ sinh con 3+ còn cao
3	Phước Lộc	2012	98,0	3	9	11	9	10	17	14	13	8	4	13/13	Đạt	TC2: 04 NV YT thôn chưa đạt chuyên môn. TC9: Tỷ lệ sinh con 3+ còn cao
4	Phước An	2013	96,5	3	9,5	11	9	10	17	14	13	6	4	13/13	Đạt	TC2: NV YT thôn đào tạo chuyên môn chưa đầy đủ. TC9: Tỷ lệ sinh con 3+ cao
5	Phước Sơn	2013	95,5	3	9,5	11	9	10	16	14	13	6	4	13/13	Đạt	TC2: 03 nhân viên YT thôn chưa đạt chuyên môn. TC6:Đề xây ra dịch SXH trên địa bàn TC9: Tỷ lệ sinh con 3+cao
6	Phước Hòa	2013	94,5	3	8,5	11	9	10	16	14	13	6	4	13/13	Đạt	TC2: Cơ cấu nhân lực thiếu bác sỹ, 04 NV YT thôn chưa đạt chuyên môn. TC6:Đề xây ra dịch SXH

TT	Xã, thị trấn	Năm đạt	Điểm thẩm định	Điểm từng tiêu chí										Số phiếu đánh giá đạt của Hội đồng	Kết quả đánh giá của Hội đồng	Nội dung chưa đạt (Ghi tóm tắt những chỉ tiêu, nội dung chưa đạt theo từng tiêu chí)	
				TC 1 3đ	TC 2 10đ	TC 3 11đ	TC 4 9đ	TC 5 10đ	TC 6 17đ	TC 7 14đ	TC 8 13đ	TC 9 9đ	TC 10 4đ				
																	trên địa bàn TC9: Tỷ lệ sinh con 3 ⁺ cao
7	Phước Nghĩa	2014	97,5	3	8	11	9,5	10	17	14	13	9	4	13/13	Đạt	TC2: Cơ cấu nhân lực thiếu Bác sỹ, 01 NVYT thôn chưa đạt chuyên môn. TC4: Chưa đạt yêu cầu sử dụng TTB	
8	Phước Hưng	2014	96,5	3	8,5	11	9	10	16	14	13	8	4	13/13	Đạt	TC2: Cơ cấu nhân lực thiếu bác sỹ, 02 NVYT thôn chưa đạt chuyên môn. TC6: Để xảy ra dịch SXH trên địa bàn TC9: Tỷ lệ sinh con 3 ⁺ còn cao	
9	Phước Thuận	2014	94,0	3	8	11	9	10	16	14	13	6	4	13/13	Đạt	TC6: Để xảy ra dịch SXH trên địa bàn TC9: Tỷ lệ sinh con 3 còn cao .	
10	Phước Thành	2014	97,0	3	8	11	9	10	17	13	13	9	4	13/13	Đạt	TC2: Cơ cấu nhân lực thiếu bác sỹ , đào tạo chuyên môn chưa đạt TC7: KCB đồng y chưa đạt	
11	Phước Thắng	2015	96,5	3	9,5	11	9	10	17	14	13	6	4	13/13	Đạt	TC2: 02 NV YT thôn chưa đạt chuyên môn. TC9: Tỷ lệ sinh con 3 ⁺ cao	
12	Phước Quang	2015	97,0	3	8	11	9	10	16	14	13	9	4	13/13	Đạt	TC2: Cơ cấu nhân lực chưa đảm bảo, 02 NV YT thôn chưa đạt chuyên môn.	

TT	Xã, thị trấn	Năm đạt	Điểm thẩm định	Điểm từng tiêu chí										Số phiếu đánh giá đạt của Hội đồng	Kết quả đánh giá của Hội đồng	Nội dung chưa đạt (Ghi tóm tắt những chỉ tiêu, nội dung chưa đạt theo từng tiêu chí)	
				TC 1 3đ	TC 2 10đ	TC 3 11đ	TC 4 9đ	TC 5 10đ	TC 6 17đ	TC 7 14đ	TC 8 13đ	TC 9 9đ	TC 10 4đ				
																	TC6:Đề xảy ra dịch SXH trên địa bàn
13	Phước Hiệp	2015	97,0	3	8	11	9	10	17	14	13	8	4	13/13	Đạt	TC2: 07 NV YT thôn chưa đạt chuyên môn. TC9: Tỷ lệ sinh con 3 ⁺ còn cao	

**Phụ lục 2: DANH SÁCH CÁC XÃ, THỊ TRẤN THỰC HIỆN ĐẠT
BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ XÃ GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030 TRONG NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2023 của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Xã, Thị trấn	Năm đăng ký	Điểm thẩm định	Điểm từng tiêu chí										Số phiếu đánh giá đạt của Hội đồng	Kết quả đánh giá của Hội đồng	Nội dung chưa đạt <i>(Tóm tắt nội dung chỉ tiêu chưa đạt)</i>
				TC 1 14đ	TC 2 10đ	TC 3 12đ	TC 4 9đ	TC 5 19đ	TC 6 12đ	TC 7 6đ	TC 8 11đ	TC 9 3đ	TC 10 4đ			
1	Phước Hưng	2023	88,5	12	9	10	8	16	10	5,5	11	3	4	13/13	Đạt	TC1: Tỷ lệ BHYT toàn dân chưa đạt TC2: 03 NVYT thôn chưa đạt CM, Không có CTY dân số TC3: Khối nhà chính chưa đạt cấp III TC4: TTB chưa đạt TC5: Khám, QL bệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật chưa đạt TC7: Tỷ lệ TCMR TE < 1T chưa đạt
2	Phước Quang	2023	88,5	12	9	10	8	16	10	5,5	11	3	4	13/13	Đạt	TC1: Tỷ lệ BHYT toàn dân chưa đạt TC2: 02 NVYT thôn chưa đạt CM Không có CTY dân số TC3: Khối nhà chính chưa đạt cấp III TC4: TTB chưa đạt TC5: Khám, QL bệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật chưa đạt

TT	Xã,Thị trấn	Năm dăng ký	Điểm thẩm định	Điểm từng tiêu chí										Số phiếu đánh giá đạt của Hội đồng	Kết quả đánh giá của Hội đồng	Nội dung chưa đạt (Tóm tắt nội dung chi tiêu chưa đạt)	
				TC 1 14đ	TC 2 10đ	TC 3 12đ	TC 4 9đ	TC 5 19đ	TC 6 12đ	TC 7 6đ	TC 8 11đ	TC 9 3đ	TC 10 4đ				
																	TC7:Ti lệ TCMR TE<1T chưa đạt
3	Phước Nghĩa	2023	90,5	14	9	12	8	16	8	5,5	11	3	4	13/13	Đạt	TC2: 01 NVYT thôn chưa đạt CM Không có CTY dân số TC4:TTB chưa đạt TC5:Khám, QLbệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật chưa đạt, Ql hồ sơ SK người dân chưa đạt TC7:Ti lệ TCMR TE<1T chưa đạt	
4	Phước Sơn	2023	90,5	12	9	12	8	17	9	5,5	11	3	4	13/13	Đạt	TC1: Ti lệ BHYT toàn dân chưa đạt TC2: 06 NVYT thôn chưa đạt CM Không có CTY dân số TC4:TTB chưa đạt TC5: QLbệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật chưa đạt TC7:Ti lệ TCMR TE<1T chưa đạt	
5	Phước An	2023	90,0	12	9	12	8	16	10	5,5	11	3	3,5	13/13	Đạt	TC1: Ti lệ BHYT toàn dân chưa đạt TC2: 04 NVYT thôn chưa đạt CM Không có CTY dân số	

TT	Xã,Thị trấn	Năm dăng ký	Điểm thẩm định	Điểm từng tiêu chí										Số phiếu đánh giá đạt của Hội đồng	Kết quả đánh giá của Hội đồng	Nội dung chưa đạt (Tóm tắt nội dung chi tiêu chưa đạt)	
				TC 1 14đ	TC 2 10đ	TC 3 12đ	TC 4 9đ	TC 5 19đ	TC 6 12đ	TC 7 6đ	TC 8 11đ	TC 9 3đ	TC 10 4đ				
																	TC4:TTB chưa đạt TC5: Khám, QLbệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật, chưa đạt TC7:Ti lệ TCMR TE<1T chưa đạt TC10: Tư vấn KCB từ xa
6	Phước Thành	2023	87,5	12	7,5	10	8	17	10	5,5	11	3	3,5	13/13	Đạt	TC1: Ti lệ BHYT toàn dân chưa đạt TC2: Chưa có BS tại TYT Không có CTY dân số TC3: Khố nhà chính chưa đạt cấp III TC4:TTB chưa đạt TC5: Khám, QLbệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật chưa đạt TC7:Ti lệ TCMR TE<1T chưa đạt TC10: Tư vấn KCB từ xa	
7	Phước Thuận	2023	88,0	12	7	12	8	16	10	5,5	11	3	3,5	13/13	Đạt	TC1: Ti lệ BHYT toàn dân chưa đạt TC2: Chưa có BS tại TYT, 02 NVYT thôn chưa đạt CM, Không có CTY DS TC4:TTB chưa đạt TC5: Khám, QLbệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật chưa đạt	

TT	Xã,Thị trấn	Năm dăng ký	Điểm thẩm định	Điểm từng tiêu chí										Số phiếu đánh giá đạt của Hội đồng	Kết quả đánh giá của Hội đồng	Nội dung chưa đạt (Tóm tắt nội dung chi tiêu chưa đạt)	
				TC 1 14đ	TC 2 10đ	TC 3 12đ	TC 4 9đ	TC 5 19đ	TC 6 12đ	TC 7 6đ	TC 8 11đ	TC 9 3đ	TC 10 4đ				
																	TC7:Ti lệ TCMR TE<1T chưa đạt TC10: Tư vấn KCB từ xa
8	Phước Thắng	2023	89,0	12	9	10	8	17,5	10	5	11	3	3,5	13/13	Đạt	TC1: Ti lệ BHYT toàn dân chưa đạt TC2: 01 NVYT thôn chưa đạt CM Không có CTY dân số TC3: Khói nhà chính chưa đạt cấp III TC4:TTB chưa đạt TC5: Khám, QLbệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật, chưa đạt TC7:Ti lệ TCMR TE<1T chưa đạt TC10: Tư vấn KCB từ xa	
9	Phước Hòa	2023	89,5	12	9	12	8	17	9	5	11	3	3,5	13/13	Đạt	TC1: Ti lệ BHYT toàn dân chưa đạt TC2: 04 NVYT thôn chưa đạt CM, Không có CTY dân số TC4:TTB chưa đạt TC5: Khám, QLbệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật,chưa đạt TC7:Ti lệ TCMR TE<1T chưa đạt TC10: Tư vấn KCB từ xa	

TT	Xã,Thị trấn	Năm dăng ký	Điểm thẩm định	Điểm từng tiêu chí										Số phiếu đánh giá đạt của Hội đồng	Kết quả đánh giá của Hội đồng	Nội dung chưa đạt (Tóm tắt nội dung chi tiêu chưa đạt)
				TC 1 14đ	TC 2 10đ	TC 3 12đ	TC 4 9đ	TC 5 19đ	TC 6 12đ	TC 7 6đ	TC 8 11đ	TC 9 3đ	TC 10 4đ			
10	Phước Hiệp	2023	88,0	12	9	10	8	17	9	5,5	11	3	3,5	13/13	Đạt	TC1: Tỷ lệ BHYT toàn dân chưa đạt TC2: 07 NVYT thôn chưa đạt CM Không có CTY dân số TC3: Khối nhà chính chưa đạt cấp III TC4:TTB chưa đạt TC5: Khám, QLbệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật, chưa đạt TC7:Tỷ lệ TCMR TE<1T chưa đạt TC10: Tư vấn KCB từ xa
11	Phước Lộc	2023	87,0	12	9	9	8	16	10	5,5	11	3	3,5	13/13	Đạt	TC1: Tỷ lệ BHYT toàn dân chưa đạt TC2: 04 NVYT thôn chưa đạt CM Không có CTY dân số TC3: Diện tích TYT không đạt; Khối nhà chính chưa đạt cấp III TC4:TTB chưa đạt TC5: Khám, QLbệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật, chưa đạt TC7:Tỷ lệ TCMR TE<1T chưa đạt TC10: Tư vấn KCB từ xa
12	Tuy Phước	2023	86,0	12	7	10	8	17	9	5,5	11	3	3,5	13/13	Đạt	TC1: Tỷ lệ BHYT toàn dân chưa

TT	Xã,Thị trấn	Năm dăng ký	Điểm thẩm định	Điểm từng tiêu chí										Số phiếu đánh giá đạt của Hội đồng	Kết quả đánh giá của Hội đồng	Nội dung chưa đạt (Tóm tắt nội dung chi tiêu chưa đạt)
				TC 1 14đ	TC 2 10đ	TC 3 12đ	TC 4 9đ	TC 5 19đ	TC 6 12đ	TC 7 6đ	TC 8 11đ	TC 9 3đ	TC 10 4đ			
																đạt TC2: Không có NV YT thôn, Không có CTY dân số TC3: Khôi nhà chính chưa đạt cấp III TC4:TTB chưa đạt TC5: Khám, QLbệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật,chưa đạt TC7:Ti lệ TCMR TE<1T chưa đạt TC10: Tư vấn KCB từ xa
13	Diêu Trì	2023	86,5	12	7	10	8	17	10	5	11	3	3,5	13/13	Đạt	TC1: Ti lệ BHYT toàn dân chưa đạt TC2: Không có NV YT thôn, Không có CTY dân số TC4:TTB chưa đạt TC5: Khám, QLbệnh KLN chưa đạt TC6: DM kỹ thuật, chưa đạt TC7:Ti lệ TCMR TE<1T chưa đạt TC8:Chưa khám SK, TV tiền HN TC10: Tư vấn KCB từ xa